

# XÂY DỰNG CHUẨN NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU CHO MÔN NGỮ VĂN CỦA CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG SAU 2015 Ở VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ HẠNH\*

## TÓM TẮT

*Báo cáo này nhận diện năng lực đọc hiểu, phân tích các yếu tố cấu thành của năng lực này và đề xuất định hướng xây dựng chuẩn năng lực đọc hiểu cho môn Ngữ văn giai đoạn sau năm 2015. Năng lực đọc hiểu gồm 3 yếu tố cấu thành: Tri thức về văn bản, về chiến lược đọc hiểu; Kỹ năng thực hiện các hành động, thao tác đọc hiểu; Sự sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ học tập, các nhiệm vụ trong đời sống cần đến đọc hiểu. Xây dựng chuẩn là một công đoạn trong việc thiết kế chương trình môn học. Công đoạn thiết kế chuẩn gồm 2 bước: thiết kế Chuẩn nội dung, thiết kế Chuẩn thể hiện. Chuẩn nội dung của năng lực đọc hiểu của môn Ngữ văn mô tả trình độ đọc hiểu theo các tiêu chí khác nhau. Sau khi có Chuẩn nội dung, cần thiết kế Chuẩn thể hiện của năng lực đọc hiểu để đo lường và đánh giá năng lực này của học sinh.*

*Từ khóa:* chuẩn, năng lực, đọc hiểu, Ngữ văn, Việt Nam.

## ABSTRACT

### *A Design of Reading Comprehension Standards for Vietnam's Language Arts and Literature Curriculum after 2015*

*This report identifies reading comprehension competency, analyzing the components of this competence and building orientation to design the standards for reading comprehension competency in Vietnamese language subject in the period after 2015. This competency includes 3 components: knowledge about text, reading comprehension strategies; reading comprehension skills; willingness to perform the learning task and related tasks in life. Designing standards is a step into the curriculum design. The design consists of two steps: designing content standards and designing performance standards. Content standards of reading comprehension competency describe the reading comprehension levels under the different criteria. After the content standards, it is necessary to design performance standards of reading comprehension competency to measure and assess this competency of students.*

*Keywords:* standard, competence, reading comprehension, language arts and literature, Vietnam.

## **1. Năng lực đọc hiểu**

### **1.1. Về khái niệm đọc hiểu (ĐH)**

Có nhiều cách trình bày khái niệm đọc hiểu do cách tiếp cận vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau. Những tác giả tiếp cận đọc hiểu từ góc độ khái quát trình bày đọc hiểu như sau:

- *ĐH là năng lực nhận thức phức tạp yêu cầu khả năng tích hợp thông tin trong văn bản với tri thức người đọc (Anderson và Pearson, 1984)*

- *ĐH là một quá trình tương tác xảy ra giữa một người đọc và một văn bản (Rumelhart, 1994)*

- *ĐH là một quá trình tư duy có chủ tâm, trong suốt quá trình này, ý nghĩa được kiến tạo thông qua sự tương tác giữa văn*

---

\* PGS TS, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

*bản và người đọc* (Durkin, 1993)

- *ĐH văn bản thực chất là quá trình người đọc kiến tạo ý nghĩa của văn bản đó thông qua hệ thống các hoạt động, hành động, thao tác* (Phạm Thị Thu Hương, 2012)

Một số tác giả khác trình bày khái niệm ĐH theo lí thuyết giao tiếp và tương tác xã hội, tập trung làm rõ chức năng của ĐH trong việc hình thành năng lực tham gia vào xã hội của người đọc.

- *ĐH là một hoạt động giao tiếp ở đó người đọc lĩnh hội lời nói đã được viết thành văn bản nhằm làm thay đổi những hiểu biết, tình cảm, hoặc hành vi của chính mình* (Nguyễn Thị Hạnh, 2002)

- *ĐH là sự hiểu biết, sử dụng, phản hồi và chiếm lĩnh các văn bản viết nhằm đạt được những mục đích, phát triển tri thức và tiềm năng cũng như tham gia vào đời sống xã hội của mỗi cá nhân* (PISA, 2012).

Dù nhìn từ góc độ nào, các tác giả cũng thống nhất với nhau những dấu hiệu cốt lõi của khái niệm đọc hiểu, đó là:

- *Đọc hiểu là một hoạt động nhận thức. Đối tượng của đọc hiểu là ý nghĩa của văn bản. Hoạt động đọc hiểu là hoạt động tương tác giữa người đọc và văn bản.*

- *Mục đích của đọc hiểu là nhằm phát triển tri thức, liên kết cá nhân người đọc với môi trường sống để mỗi người đọc học tập và làm việc chuyên môn, duy trì cuộc sống.*

Do ĐH có chức năng phát triển ở người đọc khả năng vận dụng đọc vào giải quyết nhiệm vụ học tập và các vấn đề có trong cuộc sống nên ĐH không chỉ là kĩ năng mà là một năng lực – năng lực đọc hiểu. Năng lực ĐH được bắt đầu hình thành từ môn học Ngữ văn, vì vậy nó là một năng lực chuyên biệt của môn học này.

Năng lực ĐH được phát triển và hoàn thiện ở mức độ ngày càng cao khi được dùng để giải quyết nhiệm vụ học tập của các môn học khác, giải quyết nhiệm vụ của cuộc sống, lúc này nó trở thành năng lực chung của mỗi học sinh, mỗi cá nhân.

### **1.2. Các yếu tố cấu thành năng lực đọc hiểu**

Để xác định các yếu tố cấu thành năng lực ĐH, cần tìm về khái niệm năng lực và các yếu tố cấu thành năng lực nói chung của các nhà giáo dục. Theo quan niệm trong CTGDPT của Quebec – Canada thì *Năng lực là sự kết hợp một cách linh hoạt và có tổ chức kiến thức, kĩ năng với thái độ, tình cảm, giá trị, động cơ cá nhân,...* nhằm đáp ứng hiệu quả một yêu cầu phức hợp của hoạt động trong bối cảnh nhất định.<sup>1</sup>

Năng lực được cấu thành từ những yếu tố cơ bản:

- *Tri thức về lĩnh vực hoạt động;*
- *Kĩ năng tiến hành hoạt động;*
- *Những điều kiện tâm lí để tổ chức và thực hiện tri thức, kĩ năng đó trong một cơ cấu thống nhất và theo một định hướng rõ ràng, chẳng hạn ý chí - động cơ, tình cảm - thái độ đối với nhiệm vụ,...*<sup>2</sup>

Năng lực ĐH cũng có các yếu tố cấu thành như những năng lực khác. Theo đó nó bao gồm những yếu tố cấu thành sau:

- *Tri thức về văn bản, về chiến lược đọc hiểu*
- *Kĩ năng thực hiện các hành động, thao tác đọc hiểu*
- *Sự sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ học tập, các nhiệm vụ trong đời sống cần đến đọc hiểu (nhiệm vụ trong từng tình huống cụ thể).*

#### **1.2.1. Yếu tố tri thức về văn bản, về chiến lược đọc**

Tri thức về văn bản là những hiểu biết về từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ pháp có trong văn bản, là những hiểu biết về cấu trúc, thể loại của văn bản. Người đọc muốn nắm bắt được ý nghĩa của văn bản thì việc đầu tiên là phải *hiểu ý nghĩa của các từ ngữ* trong văn bản, hiểu được cách diễn đạt của tác giả thông qua *các mô hình ngữ pháp* được tác giả sử dụng trong văn bản. Văn bản không chỉ có *nghĩa hiển ngôn* mà nhiều chi tiết trong văn bản, thậm chí cả một văn bản có thông điệp gửi đến người đọc bằng nghĩa hàm ẩn. Do đó người đọc cần biết cách dựa trên các nghĩa hiển ngôn và sự liên kết với bối cảnh của văn bản mà thực hiện các thao tác suy ý để *tìm ra nghĩa hàm ẩn* có trong văn bản. Cấu trúc của văn bản cũng là một yếu tố chuyển tải ý nghĩa hoàn chỉnh của văn bản đến với người đọc, do vậy người đọc cần nắm được *cấu trúc* của từng loại văn bản. Mỗi văn bản đều thuộc về một thể loại, ở mỗi thể loại, nội dung văn bản được tổ chức theo cách khác nhau, được thể hiện bằng cách thức diễn đạt khác nhau của ngôn từ. Do đó để hiểu ý nghĩa một văn bản, rất cần có những *hiểu biết về thể loại* của văn bản đó hỗ trợ.

Chiến lược đọc hiểu là một tiến trình thực hiện các hoạt động, hành động, thao tác đọc hiểu. Tiến trình đó bao gồm những hoạt động sau:

- Ghi nhớ và nhận biết thông tin
- Hiểu thông tin, rút ra thông tin từ văn bản
- Phản hồi thông tin trong văn bản, vận dụng thông tin trong văn bản vào tình huống tương tự. Đánh giá thông tin trong văn bản
- Vận dụng thông tin trong văn bản vào giải quyết vấn đề ở những tình huống

khác với những mục đích khác trong học tập, đời sống

### 1.2.2. Yếu tố kỹ năng thực hiện các hoạt động, hành động, thao tác đọc hiểu

Yếu tố kỹ năng thực hiện các hoạt động, hành động, thao tác ĐH là khả năng thực hiện đúng hành động, hoạt động phù hợp với những mục tiêu và điều kiện cụ thể tiến hành ĐH mỗi văn bản. Kỹ năng ĐH bao gồm chuỗi các thao tác, hành vi của người đọc được sắp xếp theo một cấu trúc hay một trình tự nhất định.

a) Để thực hiện ĐH, đầu tiên học sinh cần biết thực hiện các hành động làm tiền đề cho ĐH là: đọc thầm, đọc lướt, đọc quét.

b) Tiếp đó là các hành động ghi nhớ và nhận biết thông tin. Để thực hiện hành động này, học sinh phải trải qua một hoặc một số thao tác sau: *nhắc lại nguyên văn thông tin có trong văn bản, nhắc lại thông tin bằng lời khác so với lời trong văn bản, điền thông tin trong văn bản vào chỗ trống, chọn thông tin trong văn bản ở bối cảnh có nhiều* (câu hỏi có nhiều câu trả lời để lựa chọn)...

c) Tiếp theo là những hành động hiểu ý nghĩa của văn bản. Loại hành động này được thực hiện bằng các thao tác: *hiểu nghĩa của từ, hiểu nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của các thông tin, giải thích, cắt nghĩa, phân tích, phân loại, kết nối, so sánh thông tin, nắm được ý chính của đoạn trong văn bản, dàn ý hóa văn bản, hiểu mối quan hệ giữa các thông tin trong văn bản, nêu được các thủ pháp nghệ thuật kiến tạo ý nghĩa của văn bản văn chương...*

d) Sau hành động hiểu văn bản là những hành động áp dụng văn bản vào những nhiệm vụ nhằm thay đổi nhận thức, tình cảm, quan điểm của chính người đọc. Hành động này còn gọi là hành động vận dụng văn bản bậc thấp. Hành động vận dụng

văn bản bậc thấp được thực hiện bằng các thao tác: đưa ra ý kiến cá nhân của người đọc về một hoặc một số thông tin trong văn bản, rút ra được thông tin từ các chi tiết trong văn bản, dùng thông tin trong văn bản để thực hành giải quyết vấn đề đơn giản tương tự như vấn đề nêu trong văn bản...

e) Hành động phản hồi văn bản được diễn ra trên cơ sở hành động hiểu văn bản. Để thực hiện hành động phản hồi văn bản, học sinh cần thực hiện các thao tác: liên kết thông tin trong văn bản với kinh nghiệm, với những điều các em quan tâm; đưa ra những nhận định về độ tin cậy của văn bản, đưa ra nhận xét về tính cần thiết của nội dung văn bản với nhiệm vụ học tập các em đang làm, với những trải nghiệm của bản thân các em trong cuộc sống...

1.2.3. Yếu tố sự sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ học tập, các nhiệm vụ trong đời sống yêu cầu dùng đến hoạt động đọc hiểu

Hoạt động vận dụng văn bản vào giải quyết các nhiệm vụ trong học tập, trong đời sống là hành động cuối cùng của quá trình đọc hiểu. Hoạt động này thể hiện mục đích cuối cùng của đọc hiểu, đồng thời cũng là hành động thể hiện đọc hiểu là một năng lực chung của mỗi người, góp phần làm cho mỗi người đọc có thể tham gia vào xã hội bằng cách thay đổi nhận thức, tình cảm hành vi của chính mình, bằng cách đưa ra các giải pháp để giải quyết vấn đề trong đời sống mà mình đã học được từ các văn bản đọc hiểu. Để thực hiện hoạt động vận dụng này, học sinh phải tiến hành một số hành động, thao tác: suy luận để bàn luận về những vấn đề trong cuộc sống có thể giải quyết bằng sự học hỏi từ nội dung văn bản, trình bày những giải pháp giải quyết một vấn đề cụ thể (là một nhiệm vụ trong học tập, trong đời sống) từ sự học tập nội dung của văn bản...

## 2. Xây dựng chuẩn năng lực Đọc hiểu cho môn Ngữ văn

Để xây dựng CNLDH cần sử dụng các nhóm phương pháp sau: phương pháp chuyên gia và tổng kết kinh nghiệm, phương pháp thực nghiệm.

Quá trình xây dựng CNLDH gồm 2 bước: thiết kế Chuẩn nội dung và thiết kế Chuẩn thể hiện.

### 2.1. Thiết kế chuẩn nội dung

Chuẩn nội dung mô tả học sinh cần biết, hiểu và có thể làm những gì bằng cách xác định những kiến thức, kĩ năng, thái độ cốt lõi trong chương trình của môn học ở một lớp học, cấp học. Chuẩn nội dung môn học trả lời những câu hỏi: HS học những gì ở môn học? Học sinh học mỗi nội dung đó ở mức nào? Trong môn Ngữ văn, chuẩn nội dung chỉ bao gồm:

- Một tập hợp các kiến thức, kĩ năng, hành vi của môn học

Ví dụ: môn Ngữ văn có những kiến thức về Tiếng Việt, kiến thức về tác phẩm văn học, kĩ năng đọc và xem, kĩ năng viết và trình bày, kĩ năng nghe, kĩ năng nói. Các kiến thức và kĩ năng nói trên được phát triển thành năng lực làm chủ tiếng Việt, năng lực văn học.

- Những sự thể hiện của HS liên quan đến từng tiêu chí thuộc kiến thức, kĩ năng, hành vi của môn học.

Ví dụ: Trong kiến thức về tiếng Việt, gồm có những kiến thức cụ thể sau: Ngữ âm và chữ viết, vốn từ và ngữ nghĩa, các kiểu câu và cách dùng câu, cấu trúc và thể loại văn bản, hoạt động giao tiếp...

Để có thể thiết kế chuẩn nội dung ĐH cần xác định các tiêu chí để mô tả năng lực đọc hiểu. Các tiêu chí này phải bao hàm được 3 thành tố cấu thành của năng lực đọc hiểu ở các phương diện kiến thức

về văn bản, kỹ năng đọc hiểu văn bản, sự sẵn sàng vận dụng nội dung văn bản vào giải quyết vấn đề trong học tập và đời sống. Các tiêu chí này cũng cần được mô tả cụ thể cho 2 loại văn bản lớn là văn bản thông tin không có hư cấu và văn bản nghệ thuật như đã trình bày ở mục 1.2. Dưới đây là các tiêu chí dùng cho chuẩn nội dung năng lực ĐH :

- *Tiêu chí 1: Loại văn bản và độ khó của văn bản (đọc 2 loại văn bản: văn bản thông tin bao gồm các văn bản không hư cấu về văn hóa, khoa học, hành chính; văn bản nghệ thuật gồm các tác phẩm văn học thể loại truyện, thơ, kí, kịch bản...; độ dài của văn bản từ 100 – 2000 chữ cho các giai đoạn từ 1 đến 5 tương ứng với các lớp từ 1 đến 12)*

- *Tiêu chí 2: Hiểu ngôn từ và cấu trúc của văn bản (nghĩa của từ ngữ và các tầng nghĩa của từ ngữ, cấu trúc câu, cấu trúc của văn bản)*

- *Tiêu chí 3: Hiểu các ý chính và chi tiết trong văn bản (hiểu ý nghĩa của thông tin, chi tiết; giải thích thông tin, chi tiết; rút ra thông tin mới, nắm ý chính; tóm tắt văn bản; đối chiếu thông tin; hiểu quan điểm tác giả, tìm ra những nội dung tranh luận)*

- *Tiêu chí 4: Kết nối văn bản với kiến thức chung để suy luận và rút ra thông tin*

*từ văn bản (kiểm chứng thông tin, đối chiếu thông tin với kiến thức và kinh nghiệm, rút ra thông tin có ích và giải thích về thông tin có ích)*

- *Tiêu chí 5: Phản hồi và đánh giá về thông tin trong văn bản (xác nhận tính đúng đắn, phù hợp của thông tin, quan điểm tác giả; rút ra bài học cho bản thân, phân tích sự phù hợp của văn bản với các bối cảnh và các độc giả khác nhau)*

- *Tiêu chí 6: Vận dụng ý tưởng trong văn bản để giải quyết vấn đề (nêu ý kiến, biện pháp giải quyết một hoặc một số vấn đề trong tình huống tương tự hoặc trong tình huống khác với tình huống ở văn bản; giải thích lí do đề xuất ý kiến và biện pháp)*

Những tiêu chí này được dùng để thiết kế chuẩn xuyên suốt các lớp ở bậc phổ thông. Mức độ nội dung của các tiêu chí này sẽ ngày càng phức tạp hơn, nhiều hơn ở các lớp trên; có một vài tiêu chí không dùng để đánh giá ở các lớp đầu cấp tiểu học do học sinh lứa tuổi này trí tuệ chưa phát triển đáp ứng với tiêu chí đó.

Dựa trên các tiêu chí nêu trên, có thể mô tả chuẩn thể hiện đọc hiểu ở từng giai đoạn theo chương trình giáo dục phổ thông của Việt Nam sau 2015 như sau (chữ in đậm thể hiện mức độ khó cao hơn so với chuẩn ở giai đoạn ngay trước một giai đoạn cụ thể).

**Chuẩn nội dung năng lực đọc hiểu**

<b>Giai đoạn/ Tiêu chí</b>	<b>Lớp 1, 2, 3</b>	<b>Lớp 4 và 5</b>	<b>Lớp 6 và 7</b>	<b>Lớp 8 và 9</b>	<b>Lớp 10, 11, 12</b>
<b>1. Loại văn bản và độ khó của văn bản</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Truyện tranh, câu chuyện ngắn, truyện viễn tưởng, bài thơ ngắn hợp lứa tuổi</li> <li>- Văn bản khoa học thường thức về lịch sử, địa lí, đạo đức, cây cối, con vật, môi trường, sức khỏe, kĩ thuật phổ thông. Văn bản có biểu bảng và có nội dung bằng hình vẽ</li> <li>- Văn bản truyền thông: tin tức, quảng cáo, chỉ dẫn...</li> <li>- Văn bản hành chính: đơn, thư</li> <li>- Hiểu nghĩa</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Truyện tranh, câu chuyện ngắn, truyện viễn tưởng, kịch bản sân khấu hoặc kịch bản phim, bài thơ hợp lứa tuổi.</li> <li>- Văn bản khoa học thường thức về lịch sử, địa lí, đạo đức, cây cối, con vật, môi trường, kĩ thuật phổ thông. Văn bản có biểu bảng và có nội dung bằng hình vẽ</li> <li>- Văn bản truyền thông: tin tức, quảng cáo</li> <li>- Văn bản hành chính: đơn, thư, <b>báo cáo, biên bản</b></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Truyện ngắn, kịch bản sân khấu hoặc kịch bản phim, tự truyện, kí, bài thơ hợp lứa tuổi</li> <li>- Văn bản khoa học thường thức về lịch sử, địa lí, đạo đức, môi trường, khoa học tự nhiên, kĩ thuật phổ thông. Văn bản có biểu bảng và có nội dung bằng hình vẽ</li> <li>- Văn bản truyền thông: tin tức</li> <li>- Văn bản hành chính: báo cáo, <b>kế hoạch làm việc</b></li> <li>- Văn bản nghị luận xã hội hợp với lứa tuổi</li> <li>- Định dạng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Truyện ngắn, kịch bản sân khấu hoặc kịch bản phim, kí, bài thơ hợp lứa tuổi</li> <li>- Văn bản khoa học thường thức về lịch sử, địa lí, đạo đức, môi trường, khoa học tự nhiên, kĩ thuật phổ thông. Văn bản có biểu bảng và có nội dung bằng hình vẽ</li> <li>- Văn bản hành chính: báo cáo, kế hoạch làm việc, <b>tự giới thiệu</b></li> <li>- Văn bản nghị luận xã hội, <b>nghị luận văn học</b> hợp với lứa tuổi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Truyện ngắn, truyện dài, kịch bản sân khấu hoặc kịch bản phim, kí, bài thơ hợp lứa tuổi</li> <li>- Văn bản khoa học thường thức về lịch sử, địa lí, đạo đức, môi trường, khoa học tự nhiên, kĩ thuật phổ thông. Văn bản có biểu bảng và có nội dung bằng hình vẽ</li> <li>- Văn bản hành chính : báo cáo, kế hoạch làm việc, tự giới thiệu</li> <li>- Văn bản nghị luận xã hội, nghị luận văn học hợp với lứa tuổi</li> <li>- Định dạng văn bản: in và điện tử</li> </ul>

	<p>từ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu ý nghĩa hình ảnh trong văn bản</li> <li>- Hiểu nghĩa hiển ngôn của câu</li> <li>- Nhận ra các đoạn của văn bản</li> </ul>	<p><b>- Định dạng văn bản: in và điện tử</b></p>	<p>văn bản: in và điện tử</p>	<p>- Định dạng văn bản: in và điện tử</p>	
<p><b>2. Hiểu ngôn từ và cấu trúc của văn bản</b></p>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu nghĩa của từ</li> <li>- Hiểu ý nghĩa hình ảnh trong văn bản</li> <li>- Hiểu nghĩa hiển ngôn, <b>nghĩa hàm ẩn của câu</b></li> <li>- Nhận ra các đoạn của văn bản</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu nghĩa của từ</li> <li>- Hiểu ý nghĩa hình ảnh trong văn bản</li> <li>- Hiểu nghĩa hiển ngôn, nghĩa hàm ẩn của câu</li> <li>- Nhận ra các đoạn, <b>phần</b> của văn bản</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu nghĩa của từ</li> <li>- Hiểu ý nghĩa hình ảnh trong văn bản</li> <li>- Hiểu nghĩa hiển ngôn, nghĩa hàm ẩn của câu</li> <li>- Nhận ra các đoạn, phần của văn bản</li> <li>- <b>Hiểu kết cấu của văn bản theo cách thông thường và bất thường</b></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu nghĩa của từ</li> <li>- Hiểu ý nghĩa hình ảnh trong văn bản</li> <li>- Hiểu nghĩa hiển ngôn, nghĩa hàm ẩn của câu, <b>của văn bản</b></li> <li>- Nhận ra các đoạn, phần của văn bản</li> <li>- Hiểu kết cấu của văn bản theo cách thông thường và bất thường. <b>Hiểu giá trị của kết cấu trong biểu đạt ý nghĩa của văn bản</b></li> </ul>
<p><b>3. Hiểu các ý chính và chi tiết trong</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhắc lại chi tiết, thông tin</li> <li>- Hiểu ý nghĩa của chi tiết và thông tin</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhắc lại chi tiết, thông tin</li> <li>- Hiểu ý nghĩa của chi tiết và</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhắc lại chi tiết, thông tin</li> <li>- Hiểu ý nghĩa của chi tiết và thông tin</li> <li>- Giải thích</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhắc lại chi tiết, thông tin</li> <li>- Hiểu ý nghĩa của chi tiết và thông tin</li> <li>- Giải thích</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhắc lại chi tiết, thông tin</li> <li>- Hiểu ý nghĩa của chi tiết và thông tin</li> <li>- Giải thích</li> </ul>

<i>văn bản</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rút ra thông tin mới từ chi tiết</li> <li>- Nêu ý chính của đoạn</li> </ul>	<p>thông tin</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Giải thích thông tin, chi tiết</b></li> <li>- Rút ra thông tin mới từ chi tiết</li> <li>- <b>Nêu ý chính của đoạn</b></li> <li>- <b>Tóm tắt văn bản</b></li> </ul>	<p>thông tin, chi tiết</p> <p>Rút ra thông tin mới từ chi tiết - Nêu ý chính của đoạn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Nêu mục đích của văn bản</b></li> </ul>	<p>thông tin, chi tiết</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rút ra thông tin mới từ chi tiết</li> <li>- Nêu ý chính của đoạn, văn bản</li> <li>- <b>So sánh, đối chiếu thông tin, chi tiết trong nhiều văn bản</b></li> <li>- <b>Hiểu quan điểm của tác giả</b></li> <li>- Tóm tắt văn bản</li> <li>- Nêu mục đích của văn bản</li> </ul>	<p>thông tin, chi tiết</p> <p>Rút ra thông tin mới từ chi tiết</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu ý chính của đoạn, văn bản</li> <li>- So sánh, đối chiếu thông tin, chi tiết trong nhiều văn bản</li> <li>- Hiểu quan điểm của tác giả</li> <li>- <b>Xác định những thông tin, chi tiết, quan điểm cần tranh luận hoặc bình luận</b></li> <li>- Tóm tắt văn bản</li> <li>- Nêu mục đích của văn bản</li> </ul>
<p><b>4. Kết nối văn bản với kiến thức chung để suy luận và rút ra thông tin từ văn bản</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm chứng thông tin, chi tiết bằng kiến thức và kinh nghiệm cá nhân</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm chứng thông tin, chi tiết bằng kiến thức và kinh nghiệm cá nhân</li> <li>- <b>Đối chiếu thông tin, chi tiết, ý chính với kiến thức và kinh nghiệm cá nhân</b></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm chứng thông tin, chi tiết bằng kiến thức và kinh nghiệm cá nhân</li> <li>- <b>Đối chiếu thông tin, chi tiết, ý chính với kiến thức và kinh nghiệm cá nhân</b></li> <li>- <b>Dự đoán nội dung không hiển thị trên văn bản</b></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm chứng thông tin, chi tiết bằng kiến thức và kinh nghiệm cá nhân</li> <li>- <b>Đối chiếu thông tin, chi tiết, ý chính với kiến thức và kinh nghiệm cá nhân</b></li> <li>- <b>Dự đoán nội dung không hiển thị trên văn bản</b></li> <li>- <b>Rút ra những thông tin có ích cho bản thân</b></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm chứng thông tin, chi tiết bằng kiến thức và kinh nghiệm cá nhân</li> <li>- <b>Đối chiếu thông tin, chi tiết, ý chính với kiến thức và kinh nghiệm cá nhân</b></li> <li>- <b>Dự đoán nội dung không hiển thị trên văn bản</b></li> <li>- <b>Rút ra những thông tin có ích cho bản thân và giải thích vì sao thông tin đó có ích cho bản thân</b></li> </ul>



<p><b>5. Phân hồi và đánh giá về thông tin trong văn bản</b></p>	<p>- Đưa ra nhận xét về thông tin chi tiết</p>	<p>- Đưa ra nhận xét về thông tin chi tiết</p> <p>- <b>Nhận xét về tính đúng/ sai, phù hợp/ không phù hợp của thông tin, chi tiết</b></p>	<p>- Đưa ra nhận xét về thông tin chi tiết</p> <p>- Nhận xét về tính đúng/ sai, phù hợp/ không phù hợp của thông tin, chi tiết</p> <p>- <b>Rút ra bài học cho bản thân trên cơ sở tư tưởng, mục đích của văn bản</b></p>	<p>- Đưa ra nhận xét về thông tin chi tiết</p> <p>- Nhận xét về tính đúng/ sai, phù hợp/ không phù hợp của thông tin, chi tiết</p> <p>- Rút ra bài học cho bản thân trên cơ sở tư tưởng, mục đích của văn bản</p> <p>- <b>Phân tích tính phù hợp của văn bản với các bối cảnh khác nhau</b></p>	<p>- Đưa ra nhận xét về thông tin chi tiết</p> <p>- Nhận xét về tính đúng/ sai, phù hợp/ không phù hợp của thông tin, chi tiết</p> <p>- Rút ra bài học cho bản thân trên cơ sở tư tưởng, mục đích của văn bản</p> <p>- Phân tích tính phù hợp của văn bản với các bối cảnh khác nhau và với các đối tượng độc giả khác nhau</p>
<p><b>6. Vận dụng ý tưởng trong văn bản để giải quyết vấn đề</b></p>		<p>- Nêu ý kiến, biện pháp giải quyết một vấn đề trong tình huống tương tự như tình huống của văn bản</p>	<p>- Nêu ý kiến, biện pháp giải quyết một vấn đề trong tình huống khác dựa trên vận dụng các giải quyết vấn đề trong tình huống của văn bản</p>	<p>- Nêu ý kiến, biện pháp giải quyết một vấn đề trong tình huống khác dựa trên vận dụng các giải quyết vấn đề trong tình huống của văn bản. <b>Giải thích lí do của việc đề xuất ý kiến, giải pháp đó</b></p>	<p>- Nêu ý kiến, biện pháp giải quyết <b>những</b> vấn đề trong <b>những</b> tình huống khác dựa trên vận dụng các giải quyết vấn đề trong tình huống của văn bản. <b>Giải thích lí do của việc đề xuất ý kiến, giải pháp đó</b></p>

## 2.2. Xây dựng chuẩn thể hiện

Chuẩn thể hiện được dùng để đo lường các hoạt động học tập của HS đáp ứng chuẩn nội dung, do vậy chuẩn thể hiện mô tả các mức độ mà học sinh cần đạt được ở chuẩn nội dung. Các mức độ trong chuẩn thể hiện gồm từ mức thấp đến mức cao. Trong mỗi nội dung học tập, các mức đều có ví dụ minh họa. Chuẩn thể hiện có một số đặc điểm sau :

- Cụ thể (chi tiết hóa nội dung)
- Có thể đo lường được (có tiêu chí và các mức độ cần đạt)

- Học sinh có thể đạt được (gắn với khả năng của học sinh)

- Thực tế (gắn với bối cảnh nhà trường và xã hội)

- Có tính thời điểm (phù hợp với học sinh ở một giai đoạn nhất định)

Như vậy theo thời gian, theo sự biến đổi của bối cảnh, người ta có thể điều chỉnh chuẩn thể hiện trong khi có thể chưa cần điều chỉnh chuẩn nội dung.

<sup>1</sup> Chương trình giáo dục phổ thông của bang Quebec – Canada, 2010.

<sup>2</sup> Lương Việt Thái, *Xác định các năng lực chung cốt lõi cho chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2015 và một số vấn đề về việc vận dụng*, Báo cáo khoa học tại Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, 2012.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. California Department of Education (2013), *Common Core State Standards for English Language Arts & Literacy in History/Social Studies, Science, and Technical Subjects – Kindergarten through Grade Twelve*.
2. Victorian Essential Learning Standards: English Arts Standards (2012).
3. Nguyễn Thị Hạnh (2012), “Chuẩn môn Ngữ văn trong chương trình giáo dục phổ thông”, *Kỷ yếu Hội thảo Đổi mới chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông – Kinh nghiệm quốc tế và vận dụng vào điều kiện Việt Nam*, Hà Nội.
4. Bùi Mạnh Hùng (2013), “Chuẩn chương trình cốt lõi của Mỹ và một số liên hệ với việc đổi mới chương trình Ngữ văn ở Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học* (số chuyên về Nghiên cứu Giáo dục học), Đại học Sư phạm TP HCM, số 4.
5. Lương Việt Thái (2012), “Xác định các năng lực chung cốt lõi cho chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2015 và một số vấn đề về việc vận dụng”, *Báo cáo khoa học*, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
6. Hoàng Thị Tuyết (2012), “Tổng quan về Chuẩn chương trình môn Tiếng Việt – Ngữ văn trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành”, *Kỷ yếu Hội thảo Đổi mới chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông – Kinh nghiệm quốc tế và vận dụng vào điều kiện Việt Nam*, Hà Nội.
7. Viện Khoa học Giáo dục (2010), *Chương trình giáo dục phổ thông của bang Quebec – Canada*.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 20-02-2014; ngày phản biện đánh giá: 28-02-2014;

ngày chấp nhận đăng: 04-3-2014)